



**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 131/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2026

**THÔNG TƯ**

**Quy định về Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia  
do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý**

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 345/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, biện pháp thi hành Luật Dự trữ quốc gia về dự trữ quốc gia và quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 345/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, biện pháp thi hành Luật Dự trữ quốc gia về dự trữ quốc gia và quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến quản lý, nhập, xuất, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý.

**Điều 2. Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý**

Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý được quy định theo Phụ lục chi tiết đính kèm Thông tư này.

**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý, Cục Dự trữ Nhà nước nghiên cứu, rà soát, đề xuất trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định theo quy định.

#### **Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với hàng dự trữ quốc gia là kim loại đen (thép, thép dầm cầu) và kim loại màu (chì) do Bộ Tài chính trực tiếp quản lý đang bảo quản, Cục Dự trữ Nhà nước tiếp tục quản lý, bảo quản và đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định xuất cấp, xuất bán theo quy định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2026.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Cục Dự trữ Nhà nước) để được hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền./.

##### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Đài Truyền hình Việt Nam;
- Đài Tiếng nói Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ-Văn phòng Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CDT (.3Q..b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Tấn Cận**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CHI TIẾT HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**  
**DO BỘ TÀI CHÍNH TRỰC TIẾP QUẢN LÝ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 131/2026/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

| STT        | Danh mục                                                                                 | Ghi chú |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>I</b>   | <b>Lương thực và thực phẩm thiết yếu</b>                                                 |         |
| 1          | Thóc tẻ các loại                                                                         |         |
| 2          | Gạo tẻ trắng các loại                                                                    |         |
| <b>II</b>  | <b>Vật tư, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn</b>                                            |         |
| 1          | Nhà bạt cứu sinh các loại                                                                |         |
| 2          | Phao áo cứu sinh                                                                         |         |
| 3          | Phao tròn cứu sinh                                                                       |         |
| 4          | Bè nhẹ cứu sinh (dụng cụ nổi cứu sinh)                                                   |         |
| 5          | Xuồng (tàu) tốc độ cao các loại                                                          |         |
| 6          | Máy bơm nước chữa cháy (trang thiết bị đồng bộ)                                          |         |
| 7          | Máy phát điện các loại                                                                   |         |
| 8          | Thiết bị khoan cắt                                                                       |         |
| 9          | Máy khoan phá bê tông                                                                    |         |
| 10         | Thiết bị tìm kiếm nạn nhân bằng hình ảnh và âm thanh                                     |         |
| 11         | Thiết bị phóng dây cứu hộ                                                                |         |
| <b>III</b> | <b>Muối trắng</b>                                                                        |         |
| 1          | Muối ăn                                                                                  |         |
| <b>IV</b>  | <b>Hệ thống sản xuất; Hệ thống lưu trữ; Hệ thống truyền dẫn, phát sóng và phân phối</b>  |         |
| 1          | Xe truyền hình lưu động                                                                  |         |
| 2          | Séc phát sóng                                                                            |         |
| 3          | Tổng khống chế                                                                           |         |
| <b>V</b>   | <b>Hệ thống sản xuất; Hệ thống lưu trữ; Hệ thống truyền dẫn, phát thanh và phân phối</b> |         |